

Số: 62/QĐ-UBND

P. Nguyễn Đại Năng, ngày 17 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán điều chỉnh thu - chi ngân sách địa phương năm 2025
phường Nguyễn Đại Năng

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 17/11/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 phường Nguyễn Đại Năng sau sắp xếp;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 59/TTr-KT,HT&ĐT ngày 17 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán điều chỉnh thu - chi ngân sách địa phương năm 2025 phường Nguyễn Đại Năng cho các đơn vị, như sau:

Chi thường xuyên: 104.755 triệu đồng, giảm: 197.000 triệu đồng so với dự toán giao tại Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND phường Nguyễn Đại Năng, trong đó:

- Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội: 2.394 triệu đồng, giảm 64 triệu đồng chi quốc phòng so với dự toán giao tại Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND phường Nguyễn Đại Năng.

- Dự phòng ngân sách phường: 2.402, giảm 133 triệu đồng so với dự toán giao tại Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND phường Nguyễn Đại Năng.

(Chi tiết điều chỉnh theo các phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ dự toán điều chỉnh chi ngân sách năm 2025 được giao các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện dự toán trong phạm vi được duyệt, đảm bảo thực hiện hiệu quả theo thứ tự ưu tiên về nhiệm vụ chi trước hết đảm bảo chi lương, phụ cấp, an sinh xã hội, chế độ chính sách đối với người có công, gia

định chính sách; nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

2. Các nội dung không được điều chỉnh tại Quyết định này được giữ nguyên theo Quyết định 23/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND phường.

Điều 3. Điều khoản thi hành

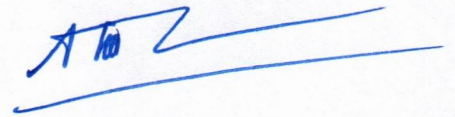
1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND phường, Trưởng phòng Kinh Tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội, Kho bạc nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 9, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND Tp;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- LH UBND phường;
- Công thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hoàn

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của UBND phường Nguyễn Đại Năng)

| STT | NỘI DUNG | Điều chỉnh kỳ này | | Ghi chú |
|------------|--|-------------------|----------------|---------|
| | | Tổng thu NSNN | Thu NSDP | |
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| | TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC | 113.822 | 104.755 | |
| I | Thu nội địa | 12.720 | 3.653 | |
| 1 | Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế) | | | |
| 2 | Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế) | | | |
| 3 | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài | | | |
| 4 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế) | 749 | 225 | |
| 5 | Thuế thu nhập cá nhân | 407 | 122 | |
| 6 | Thuế bảo vệ môi trường | | | |
| 7 | Lệ phí trước bạ | 350 | | |
| 8 | Thu phí, lệ phí | 95 | 75 | |
| 9 | Thuế sử dụng đất nông nghiệp | | | |
| 10 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 13 | | |
| 11 | Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước | | | |
| 12 | Thu tiền sử dụng đất | 10.500 | 2.625 | |
| 13 | Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước | | | |
| 14 | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có) | | | |
| 15 | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | | | |
| 16 | Thu khác ngân sách | 146 | 146 | |
| 17 | Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác | 460 | 460 | |
| II | Thu viện trợ | | | |
| III | Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang | | | |
| IV | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 101.102 | 101.102 | |
| 1 | Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên | 101.102 | 101.102 | |
| 2 | Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên | | | |

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của UBND phường Nguyễn Đại Năng)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Điều chỉnh kỳ này | Ghi chú |
|------------|---|-------------------|---------|
| A | B | 1 | 2 |
| | TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ | 104.755 | |
| A | CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ | 104.755 | |
| | Trong đó: | | |
| I | Chi đầu tư phát triển | 2.625 | |
| 1 | Chi đầu tư cho các dự án | 2.625 | |
| 2 | Chi đầu tư phát triển khác | | |
| II | Chi thường xuyên | 99.728 | |
| | Trong đó: | | |
| 1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề. Trong đó: | 68.559 | |
| | - Tiền thưởng (=10% lương) | 3.366 | |
| | - Tiết kiệm theo Nghị quyết 173/NQ-CP | 31 | |
| 2 | Chi khoa học và công nghệ | | |
| 3 | Chi y tế, dân số và gia đình | 181 | |
| 4 | Chi văn hóa thông tin | 253 | |
| 5 | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn | 289 | |
| 6 | Chi thể dục thể thao | 277 | |
| 7 | Chi bảo vệ môi trường | 86 | |
| 8 | Chi các hoạt động kinh tế | 1.453 | |
| 9 | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể. Trong đó: | 23.477 | |
| | - Tiền thưởng (=10% lương) | 576 | |
| | - Tiết kiệm theo Nghị quyết 173/NQ-CP | 50 | |
| 10 | Chi bảo đảm xã hội | 2.710 | |
| 11 | Chi khác | 49 | |
| 12 | Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH | 2.394 | |
| III | Dự phòng ngân sách | 2.402 | |
| IV | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương | | |
| B | Chi viện trợ | | |
| C | Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu | | |

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NẲNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của UBND phường Nguyễn Đại Nặng)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | Điều chỉnh kỳ này | Ghi chú |
|------------|--|-------------------|---------|
| A | B | | 2 |
| A | TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ | 104.755 | |
| I | Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp | 3.653 | |
| - | Thu ngân sách xã hưởng 100% | 681 | |
| - | Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia | 2.972 | |
| II | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 101.102 | |
| - | Thu bổ sung cân đối | 101.102 | |
| - | Thu bổ sung có mục tiêu | | |
| III | Thu kết dư | | |
| IV | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | |
| B | TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ | 104.755 | |
| I | Tổng chi cân đối ngân sách xã | 102.353 | |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 2.625 | |
| 2 | Chi thường xuyên | 99.728 | |
| 3 | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương | | |
| II | Dự phòng ngân sách | 2.402 | |
| III | Chi viện trợ | | |
| IV | Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu | | |
| V | Chi chuyển nguồn sang năm sau | | |

DỰ TOÁN CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIAO CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Đại Nãi)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | TÊN SỰ NGHIỆP/ĐƠN VỊ | SỐ SAU ĐIỀU CHỈNH GIAO 6 THÁNG CUỐI NĂM | CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM | DỰ TOÁN GIAO | DỰ TOÁN CHƯA GIAO SAU ĐIỀU CHỈNH | TỔNG DỰ TOÁN GIAO | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------------|---|---------------------|--------------|----------------------------------|-------------------|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4+3 | 6 |
| 1 | Sự nghiệp quốc phòng | 401 | 588 | 989 | 0 | 989 | |
| - | Văn phòng HĐND và UBND | 401 | 588 | 989 | | 989 | Trong đó: phụ cấp các loại; trực tết; huấn luyện; tuyển quân; tiền báo; bồi dưỡng đối tượng 4 |
| 2 | DỰ PHÒNG | 0 | 98 | 98 | 2.304 | 2.402 | |
| - | Văn phòng HĐND và UBND | | 98 | 98 | | 98 | |